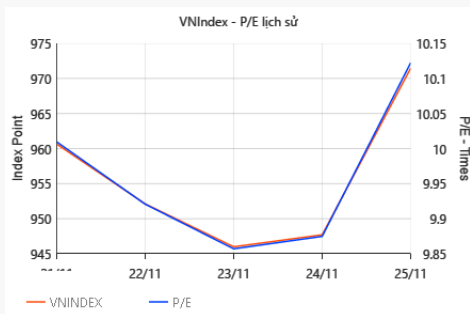


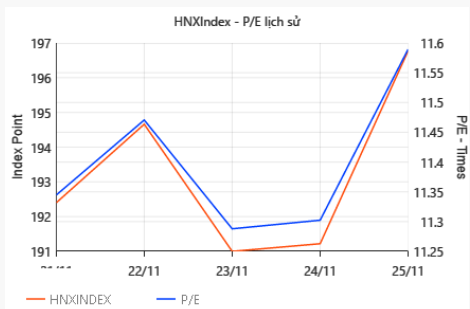


VN-INDEX



Điểm số	971.46
Tuần qua (WoW)	0.22%
Từ đầu năm (YTD)	-35.16%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-13.05%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-7.88%
P/E	10.12
P/B	1.56

HNX -INDEX



Điểm số	196.77
Tuần qua (WoW)	3.09%
Từ đầu năm (YTD)	-58.49%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-18.11%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-14.12%
P/E	11.59
P/B	1.13

Chuyên viên Phân tích
Đỗ Trung Nguyên
nguyendt@gtjas.com.vn
(024) 35.730.073 - ext:702

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Trong một tuần không thực sự có diễn biến nào quá nổi bật cả trên thế giới và trong nước để tác động mạnh mẽ đến thị trường (biên bản cuộc họp FOMC từ đầu tháng 11 của Fed được công bố với không nhiều thông tin mới mẻ, Trung Quốc đưa ra gói giải pháp mạnh mẽ hỗ trợ ngành bất động sản nhưng hiệu quả còn cần chờ thời gian) thì VNIndex rõ ràng đã tiếp tục vận động theo xu hướng hình thành từ tuần trước đó, mà nói thẳng ra chính là tạo đáy và hồi phục. Chỉ số chung tiếp cận phạm vi lực cản đại diện cho xu hướng giảm trung hạn bắt đầu từ cuối tháng 8/2022 nhưng áp lực bán dù có thời điểm mạnh lên tuy nhiên không thể duy trì và suy yếu nhanh chóng, thể hiện cho tâm lý thị trường nhìn chung đã chấp nhận không còn muốn bán nữa. Và với diễn biến bật tăng vào ngày thứ sáu cuối tuần thì khả năng cao chúng ta đã có một đáy sau cao hơn đáy trước đó, cấu trúc của một xu hướng tăng đang dần hình thành. Đầu đó vẫn còn những cổ phiếu bị chất sần nhiều triệu đơn vị, nhưng đã không còn tác động được đến thị trường chung.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường tiếp tục có tuần diễn biến tích cực khi mà sau khi hấp thụ xong áp lực bán ngắn hạn thì đã bật tăng trở lại vào ngày cuối tuần. Khả năng tạo đáy đang trở nên rõ ràng hơn. Đây là thời điểm vừa có thể giải ngân cho những vị thế ngắn hạn vừa có thể tiếp tục tích lũy cho các vị thế trung dài hạn.



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	37.5%		-10.3%
VHM	15/02/21	3	77,730	Nắm giữ	81,800	5.2%	74.0%		-16.2%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	180.4%		-56.1%
NLG	23/08/21	1	36,030	Nắm giữ	34,300	-4.8%	37.2%		-30.6%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%	60.4%		58.7%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	48.8%		-22.3%
VPB*	05/02/21	2	15,213	Nắm giữ	16,447	8.1%	6.1%		65.4%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	75.7%		-27.7%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%	25.9%		2.6%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		24.4%	110.7%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	94.0%		-37.3%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	51.3%		-4.0%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Lợi nhuận kỳ vọng	Biến động giá
VCB	2/8/2022	75,000 - 79,000	101,000	31.20%	-5.1%
BID	2/8/2022	37,000 - 40,000	52,000	35.10%	3.9%
MBB	2/8/2022	21,667 - 22,917	30,000	34.60%	-27.3%
VND	2/8/2022	19,800 - 21,000	28,500	39.70%	-44.9%
VCI	2/8/2022	32,308 - 34,615	46,154	37.90%	-37.7%
HPG	2/8/2022	22,000 - 23,500	31,000	36.30%	-32.7%
NKG	2/8/2022	18,000 - 19,500	25,500	36.00%	-47.2%
PVD*	8/8/2022	17,000 - 18,600	22,700	27.50%	-24.2%
LHG	12/8/2022	37,000 - 40,000	58,000	50.65%	-49.9%
SNZ	12/8/2022	40,400 - 45,000	64,000	49.88%	-47.3%
VCI	12/8/2022	35,385 - 37,692	46,154	26.32%	-42.9%
PVS	23/8/2022	26,800 - 29,000	37,000	32.62%	-30.5%
PVC	23/8/2022	18,800 - 22,200	26,700	30.24%	-48.3%



VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 0.2%, mở cửa tuần cao hơn so với tham chiếu một chút và thấp hơn mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa tuần một khoảng cách rất nhỏ (hầu như không đáng kể) và cao hơn mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường có hai ngày thứ hai đầu tuần suy kiệt về thanh khoản và giảm điểm nhẹ. Thanh khoản tăng rất mạnh trở lại trong ngày thứ ba nhưng lại thể hiện cho áp lực bán, áp lực này từ chối việc thị trường bật tăng và khiến thị trường đóng cửa tiếp tục giảm nhẹ. Tuy nhiên, nó lại không kích hoạt thêm những áp lực bán vào ngày thứ tư khi mà thanh khoản lại suy kiệt trở lại và VNIndex cũng chỉ giảm nhẹ, đây là một điều rất tích cực. Đến ngày thứ năm, biên độ dao động vẫn rất hẹp và thanh khoản cũng rất yếu, nhưng điều rất tích cực là cán cân cung cầu đã chuyển sang lệch về phía mua khi lực bán hoàn toàn không còn, thị trường đóng cửa tăng nhẹ. Lực mua mạnh lên trong ngày thứ sáu, và với việc áp lực bán vẫn rất yếu thì thị trường đã có một ngày cuối tuần tăng tương đối mạnh trên diện rộng.



Trong một tuần không thực sự có diễn biến nào quá nổi bật cả trên thế giới và trong nước để tác động mạnh mẽ đến thị trường (biên bản cuộc họp FOMC từ đầu tháng 11 của Fed được công bố với không nhiều thông tin mới mẻ, Trung Quốc đưa ra gói giải pháp mạnh mẽ hỗ trợ ngành bất động sản nhưng hiệu quả còn cần chờ thời gian) thì VNIndex rõ ràng đã tiếp tục vận động theo xu hướng hình thành từ tuần trước đó, mà nói thẳng ra chính là tạo đáy và hồi phục. Chỉ số chung tiếp cận phạm vi lực cản đại diện cho xu hướng giảm trung hạn bắt đầu từ cuối tháng 8/2022 nhưng áp lực bán dù có thời điểm mạnh lên tuy nhiên không thể duy trì và suy yếu nhanh chóng, thể hiện cho tâm lý thị trường nhìn chung đã chấp nhận không còn muốn bán nữa. Và với diễn biến bất tăng vào ngày thứ sáu cuối tuần thì khả năng cao chúng ta đã có một đáy sau cao hơn đáy trước đó, cấu trúc của một xu hướng tăng đang dần hình thành. Đâu đó vẫn còn những cổ phiếu bị chất sà nhiều triệu đơn vị, nhưng đã không còn tác động được đến thị trường chung.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	870 – 900
Kháng cự	1,000



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	1.1%	33,000	21.3%
TNG	24/08/21	22,833 – 24,120	31,833	21,481	1:3	36.8%	38,950	61.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%	172,730	17.5%
BWE*	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	58.3%	62,000	72.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.6%	27,800	98.6%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	26.2%	68,000	38.4%
VND*	09/06/21	14,600 – 15,600	21,000	13,500	1:2.5	105.1%	36,250	132.4%
DPG*	31/05/21	26,500 – 27,929	42,571	24,000	1:4	199.0%	97,920	250.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.1%	43,300	46.8%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.9%	49,950	30.1%
SSI*	20/05/21	21,000 – 22,300	27,850	19,700	1:2	81.6%	52,130	133.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	35.2%	43,550	61.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	100.6%	33,500	108.1%
SMC*	11/05/21	29,000 – 31,250	41,670	25,850	1:2	12.6%	45,740	46.4%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	98.5%	28,850	112.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	68.6%	62,200	77.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%	36,700	74.8%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	93.3%	17,950	139.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	6.6%	129,690	28.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%	96,000	25.9%
GEG*	08/03/21	15,610 – 16,650	24,245	14,580	1:4	47.1%	27,360	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	97.3%	37,000	151.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	41.6%	33,580	58.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	172.0%	28,800	240.6%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	44.9%	130,440	56.2%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	119.0%	49,100	133.8%
CCL*	17/02/21	8,930 – 9,820	16,070	7,770	1:3	73.1%	18,570	89.1%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	81.2%	28,260	143.8%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%	27,000	86.2%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	132.0%	48,000	143.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	40.5%	34,300	63.3%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	153.2%	88,260	184.7%
PGV*	23/11/20	12,510 – 13,462	22,510	11,271	1:4	174.8%	42,290	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	283.8%	41,800	383.2%
DRI*	20/10/20	4,030 – 4,530	9,530	3,230	1:4	312.8%	20,780	358.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%



Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã đã rút khỏi Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Lợi nhuận	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
TDM*	30/07/21	30,050	40,000	33.1%	32.8%	41.1%
HAH*	03/08/21	34,300	42,100	22.7%	268.1%	469.9%
OCB*	02/08/21	24,300	27,700	14.0%	25.5%	53.0%
SZC*	23/04/21	35,750	41,000	14.7%	38.1%	144.3%
DHC*	30/10/20	34,440	38,760	17.1%	88.7%	171.2%
ACB*	05/02/21	22,830	29,110	27.5%	58.3%	69.8%
MBB*	11/06/21	29,185	32,593	11.7%	113.3%	175.7%

Các lần điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
VHM*	31/05/21	75,820	75,550	0%	38.6%	15/02/22	81,800	+8.3%
MWG*	08/02/21	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



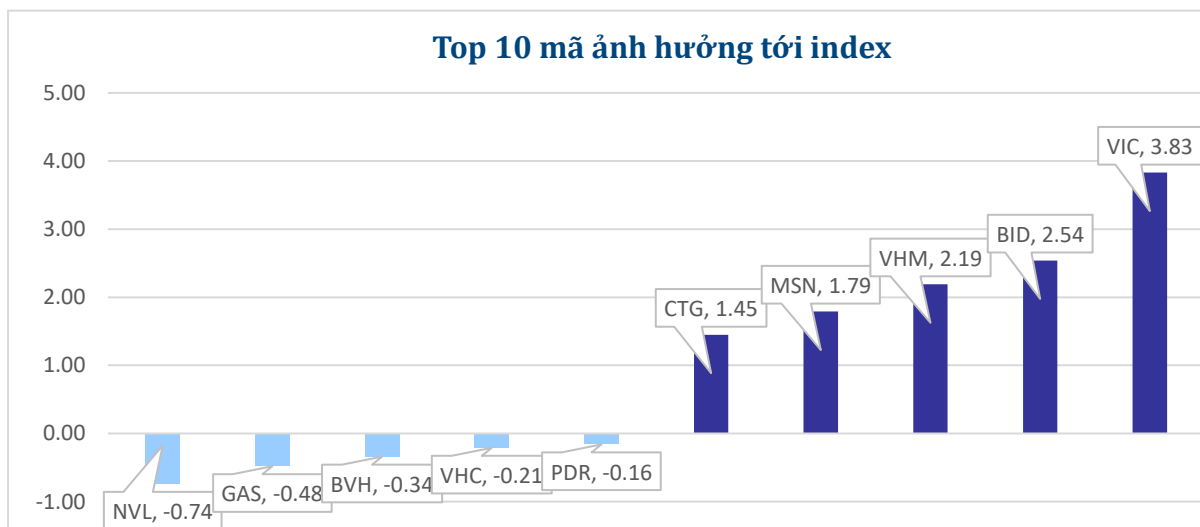
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG PHIÊN CUỐI TUẦN
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	971.46	2.51%	23.75	622.50	9,716.1	380	62	72
Vn30 - Index	967.49	2.84%	26.73	177.10	4,010.3	25	0	5
Vn - Mid	1,166.72	2.87%	32.53	288.90	4,433.7	64	2	4
VN - Small	1,010.18	3.17%	31.02	90.77	917.6	165	16	34
HNX - Index	196.77	2.90%	5.55	56.23	620.2	134	39	163
Upcom - Index	68.41	1.34%	0.90	47.64	280.1	228	88	109

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	9,716.10	16.25%	622.50	14.61%
HNX	620.20	-8.51%	56.23	-7.08%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

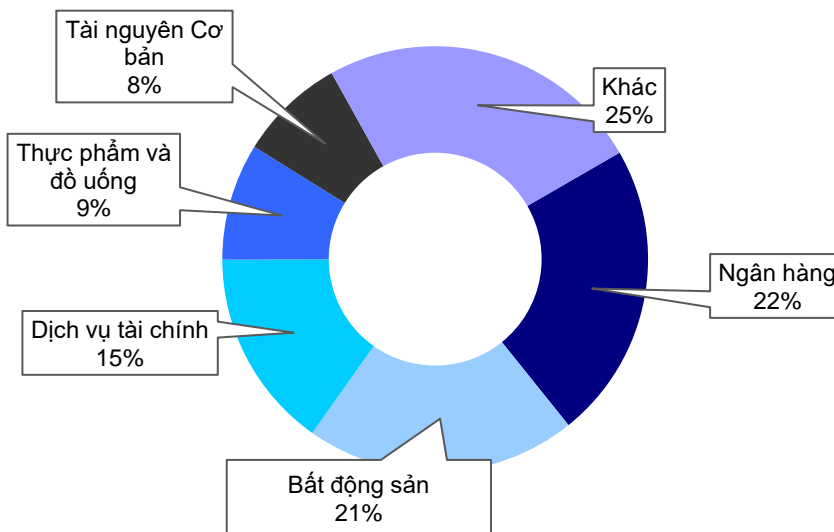


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HPG	26.53	STB	462.3	VPG	393%	SHS	9.9%	VHC	-7.0%
STB	24.96	HPG	392.4	GMD	179%	IDC	8.1%	PDR	-6.9%
VND	23.10	SSI	375.6	CTG	151%	DIG	7.0%	NVL	-6.8%
SSI	22.57	CTG	357.8	BID	143%	HAG	7.0%	DGC	-1.2%
DIG	20.63	DIG	265.5	HAG	136%	SSI	6.9%	GAS	-0.9%

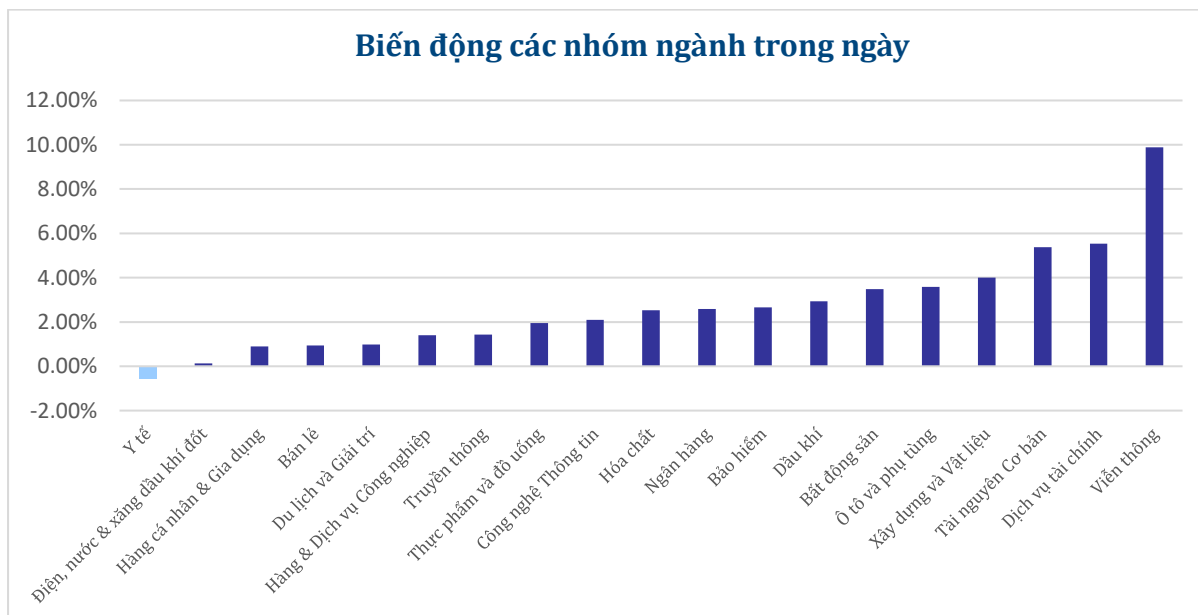


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày



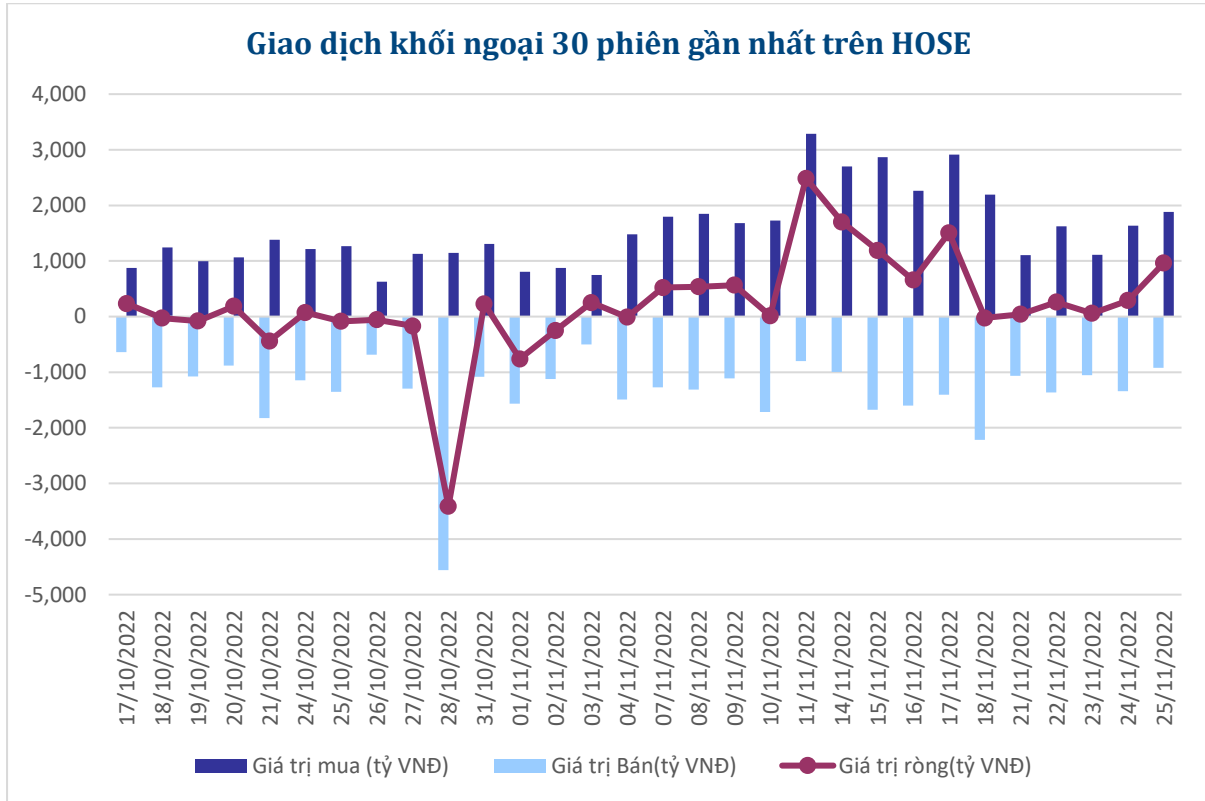
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 962.50 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 23.25 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
CTG	128.58	VCB	34.83
VHM	111.75	GAS	17.80
HPG	97.68	VHC	12.71
VIC	85.90	DIG	12.56
VNM	85.00	DGC	8.80



Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE

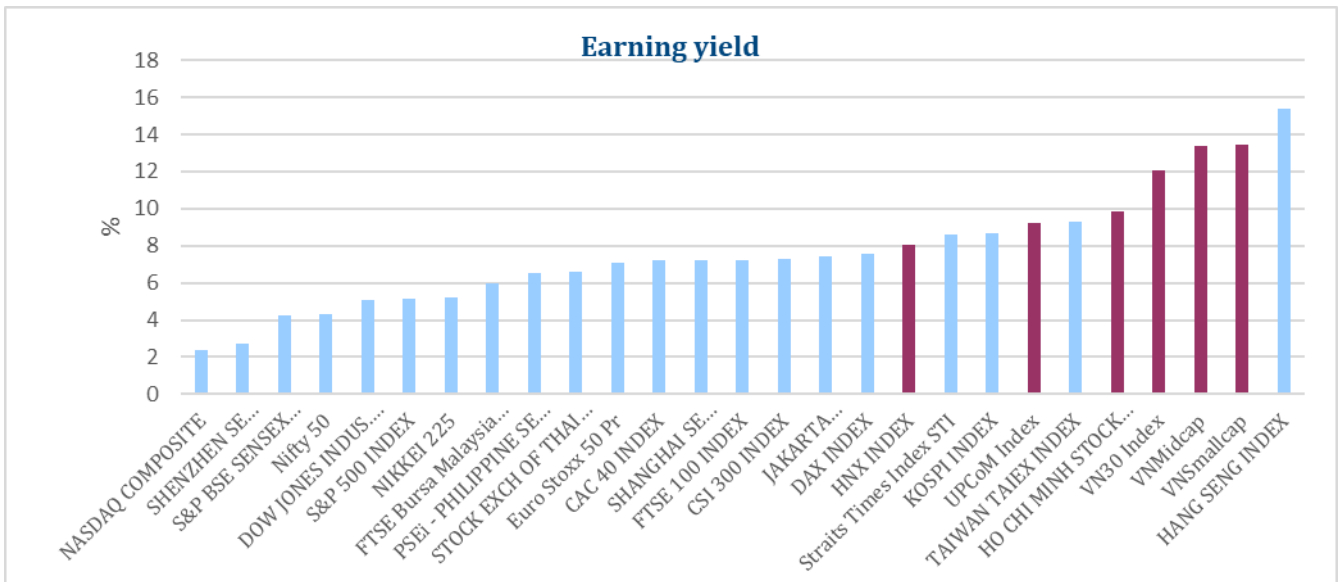
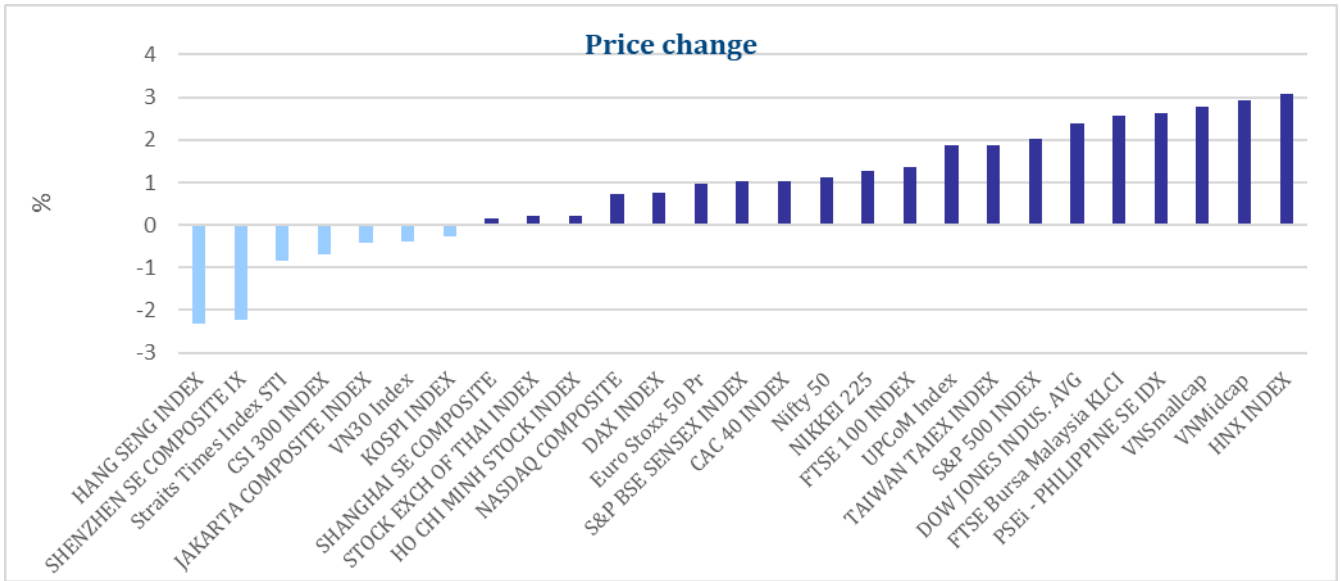


FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN TRƯỚC ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

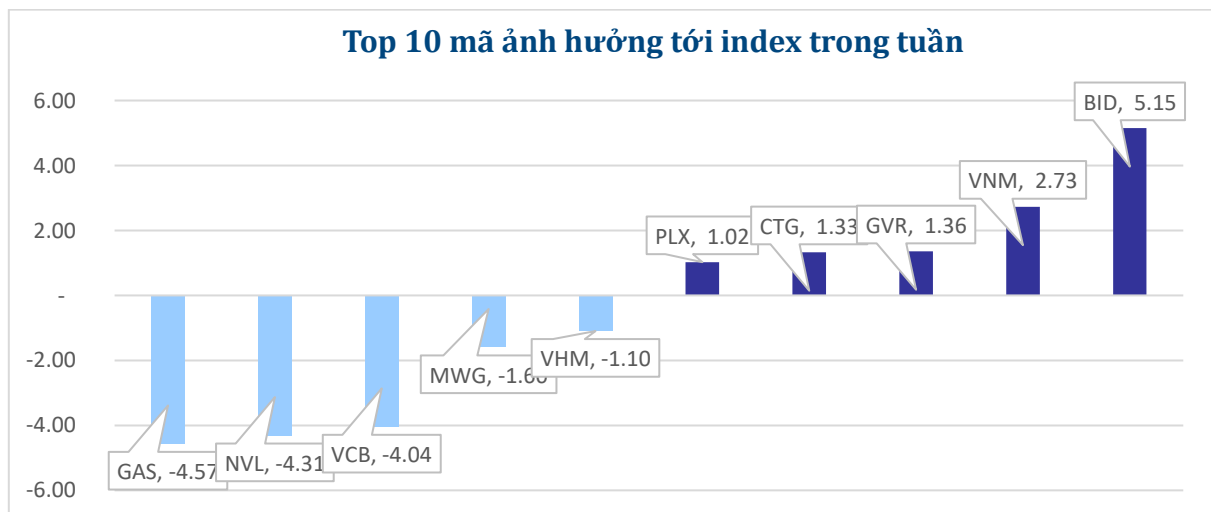




BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



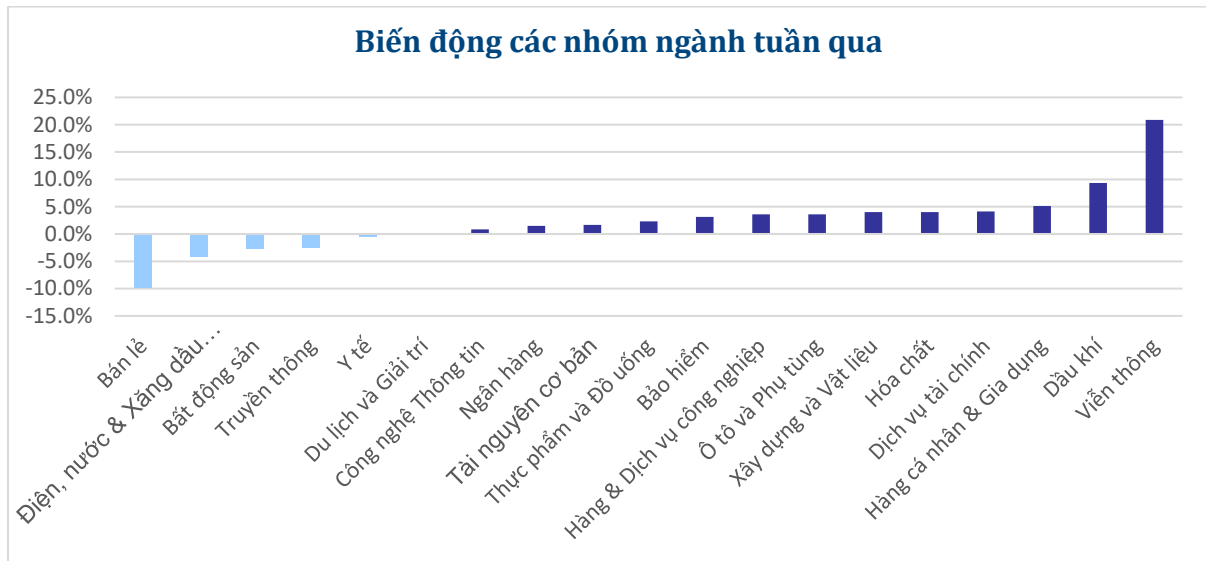
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



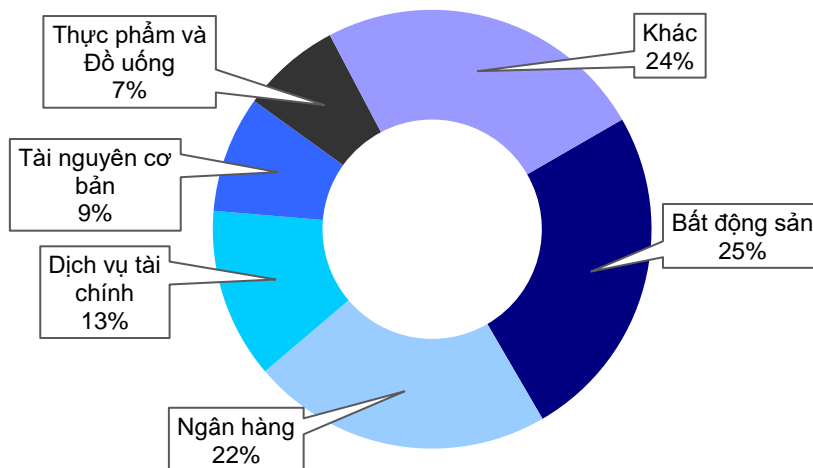


Top KLGĐ (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Độ biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
NVL	33.9	NVL	846.4	NVL	7.25x	L14	60.1%	NVL	-30.1%
HPG	32.6	HPG	475.4	PDR	3.93x	APS	34.5%	PDR	-29.7%
DIG	26.9	STB	412.6	DHC	3.14x	SBS	31.9%	VPG	-19.5%
STB	23.4	DIG	337.7	EIB	3.02x	CEO	30.2%	DGW	-15.8%
VND	20.9	SSI	306.4	KHG	2.77x	IDJ	26.3%	VHC	-11.9%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN



Đóng góp thanh khoản trong tuần

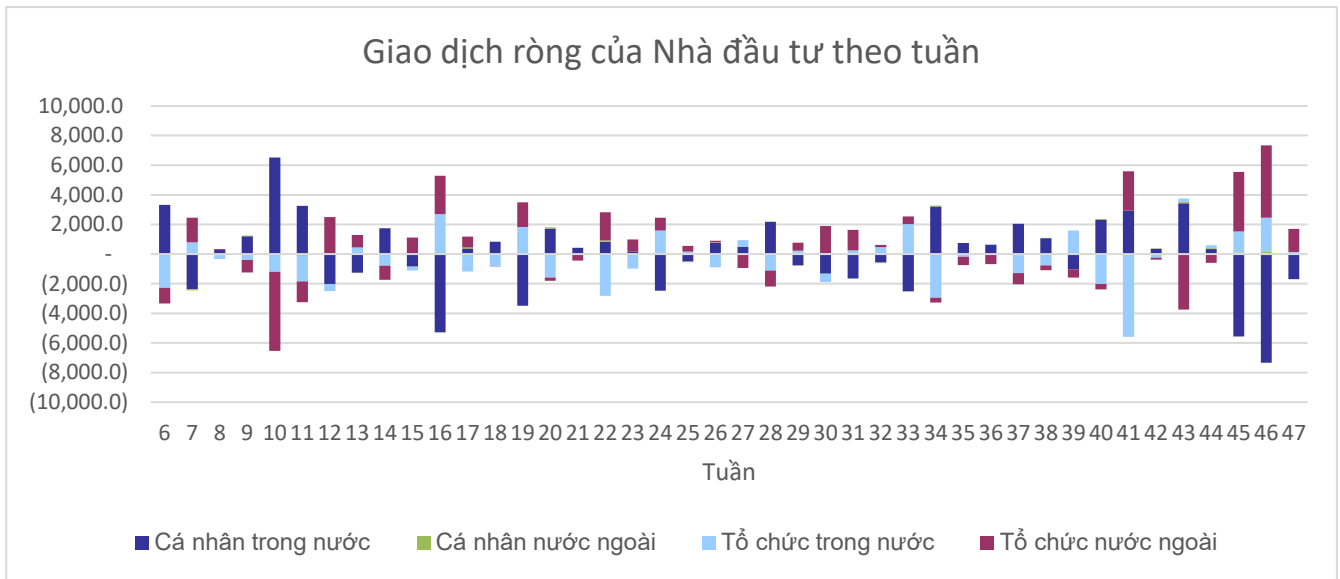




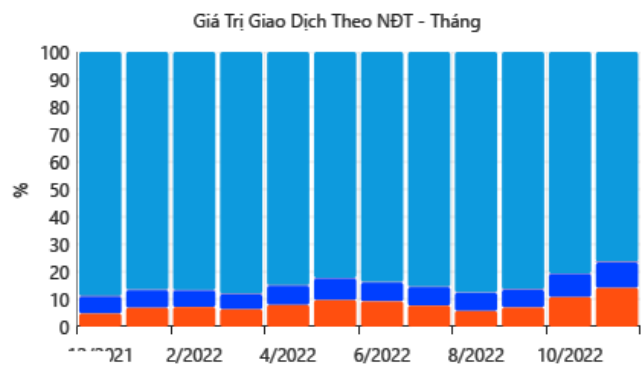
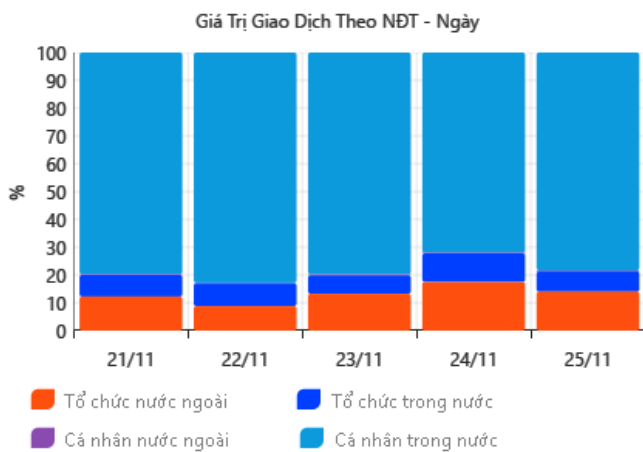
DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
NVL	-30.09%	7,368.9	FUEVFNVD	-1.76%	1,244.3
HPG	1.32%	3,531.9	HPG	1.32%	1,137.7
STB	10.53%	3,454.0	VNM	6.75%	1,024.2
DIG	9.24%	2,993.2	VCB	-4.44%	984.2
SSI	5.23%	2,640.6	NVL	-30.09%	861.8



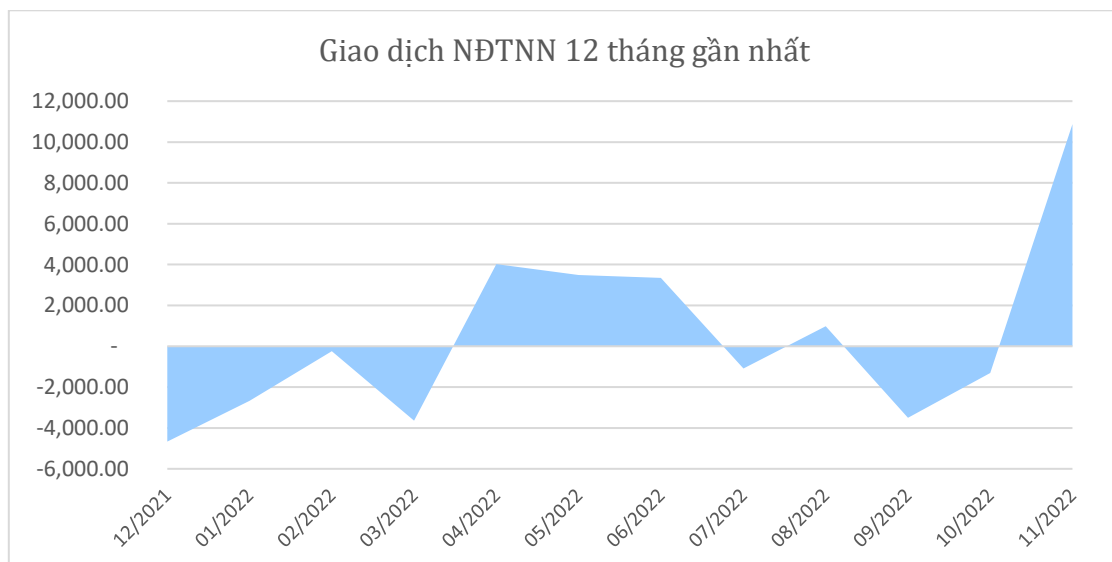
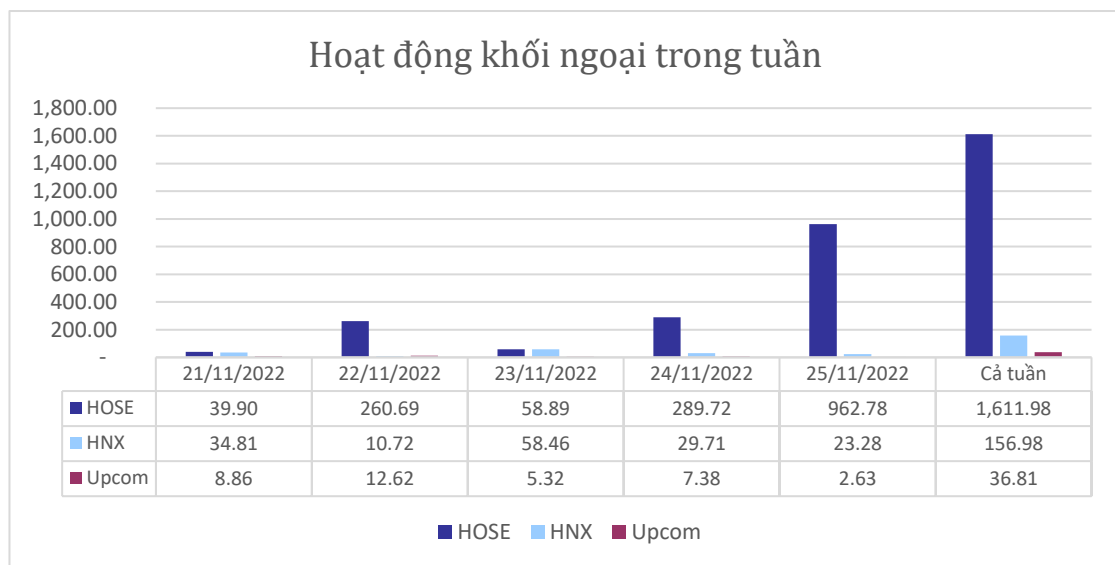
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

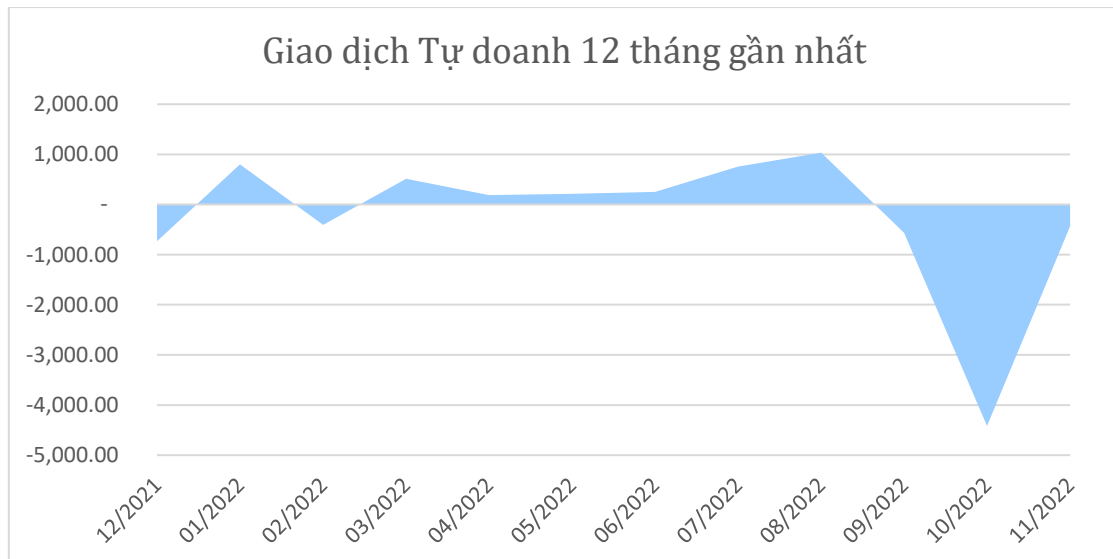
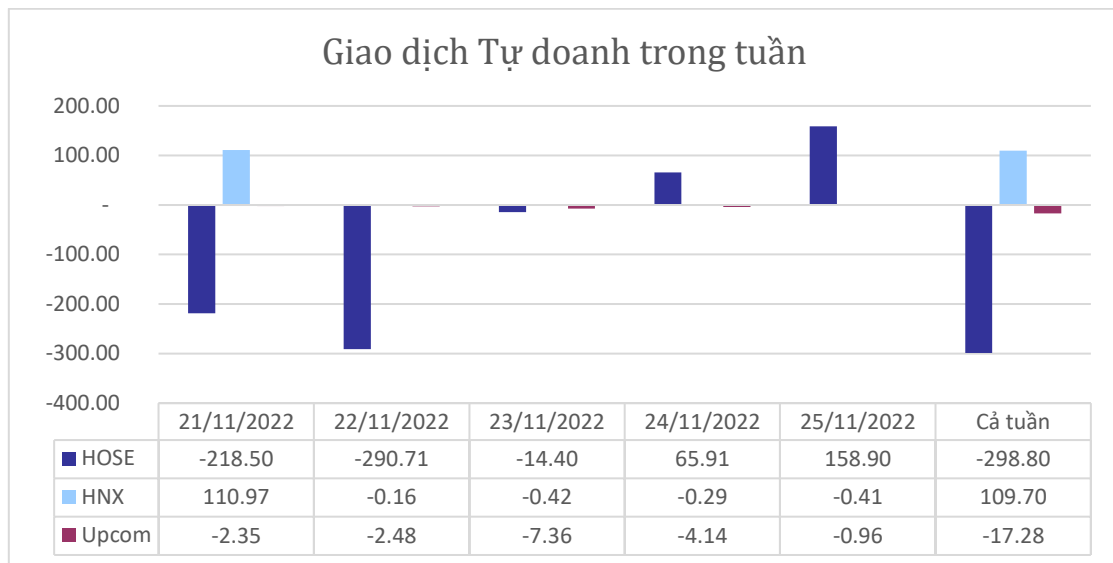
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VHM	-2.08%	285.95	DGC	-8.20%	242.94
FUEVFNVD	-1.76%	248.23	NVL	-30.09%	207.36
HPG	1.32%	174.47	VCB	-4.44%	84.59
BID	11.27%	165.19	DXG	1.44%	74.31
MSN	-1.26%	137.63	GAS	-8.31%	61.12





KHỐI TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

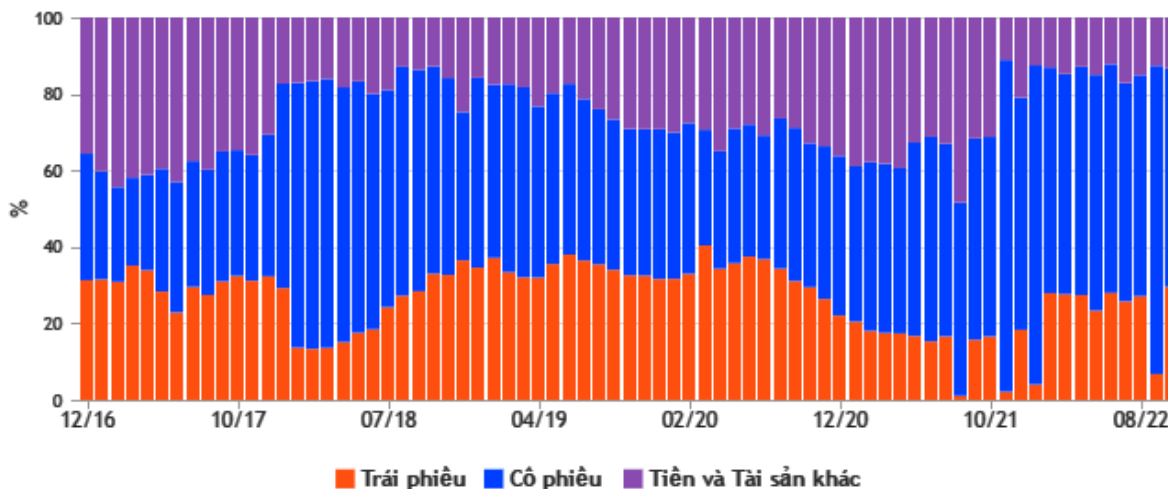
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
DGC	-8.20%	126.62	FUEVFNND	-1.76%	510.57
NVL	-30.09%	97.05	HDG	2.59%	138.98
PNJ	6.09%	37.37	VPB	0.00%	58.02
FUESSV50	12.95%	28.64	E1VFN30	-1.44%	52.63
BCM	-2.73%	23.03	VPI	0.18%	51.57



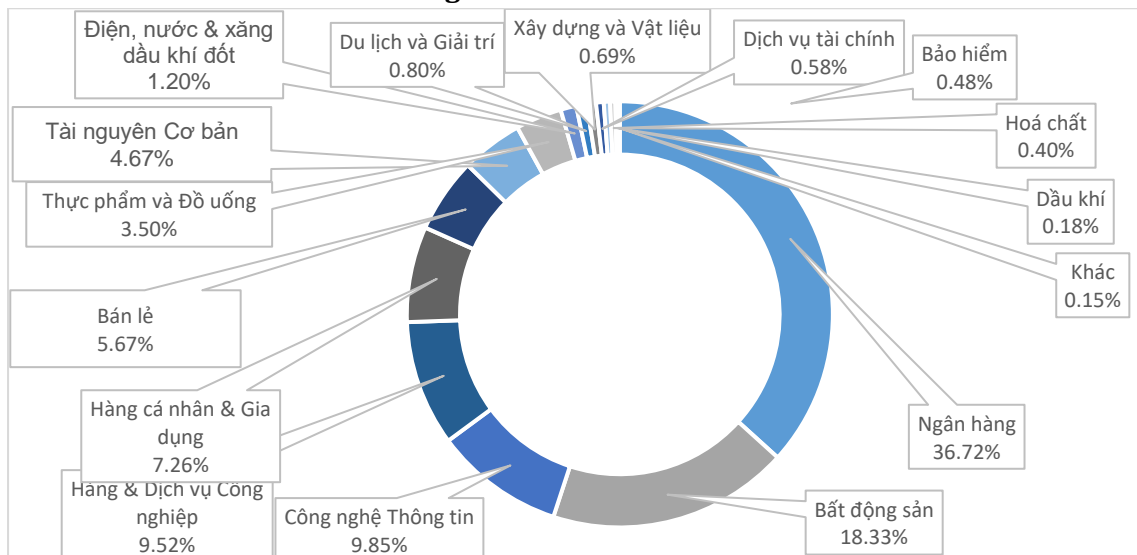


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

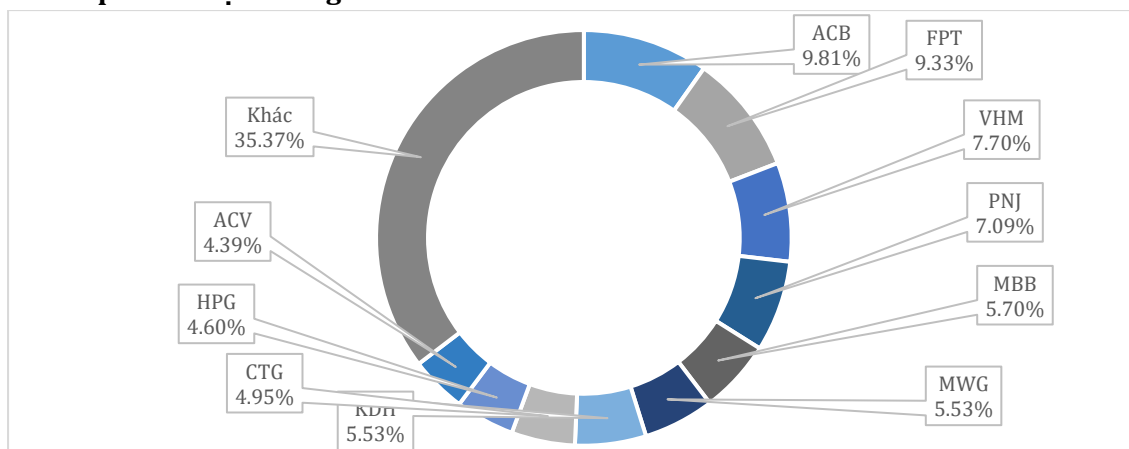
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
PHP	Upcom	Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	28/11/22	29/11/22	28/11/22
VDP	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 (1.000 đ/cp)	28/11/22	29/11/22	15/12/22
CKG	HSX	Niêm yết bổ sung 8.659.580 cp		28/11/22	28/11/22
DC1	Upcom	Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu		04/10/22	28/11/22
SAM	HSX	Niêm yết bổ sung 14.607.906 cp		28/11/22	28/11/22
PSD	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 30%)	28/11/22	29/11/22	28/11/22
SEB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	28/11/22	29/11/22	12/12/22
VIB	HSX	Thực hiện quyền đề cử, ứng cử nhân sự	28/11/22	29/11/22	02/12/22
CMX	HSX	Giao dịch 30.000.000 cp niêm yết bổ sung			28/11/22
CRE	HSX	Niêm yết bổ sung 262.078.977 cp		28/11/22	28/11/22
YEG	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	28/11/22	29/11/22	28/11/22
DC4	HSX	Giao dịch 1.650.000 cp niêm yết bổ sung			28/11/22
MPY	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	29/11/22	30/11/22	27/12/22
KHW	Upcom	Chấp thuận niêm yết bổ sung 2.599.996 cổ phiếu	29/11/22	29/11/22	29/11/22
BSA	Upcom	Giao dịch 2.520.623 cổ phiếu ĐKGD bổ sung	29/11/22	29/11/22	29/11/22
MBS	HNX	Giao dịch đầu tiên 112.974.794 cổ phiếu niêm yết bổ sung			29/11/22
BNA	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp), trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 4:1)	29/11/22	30/11/22	23/12/22
MPC	Upcom	Chấp thuận niêm yết bổ sung 199.943.650 cổ phiếu	29/11/22	29/11/22	29/11/22
PSL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (250đ/cp)	29/11/22	30/11/22	30/03/23
FOX	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	29/11/22	30/11/22	30/12/22
MCM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	29/11/22	30/11/22	22/12/22
APH	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 lần 1			29/11/22
SJE	HNX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	29/11/22	30/11/22	30/12/22
SZG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	29/11/22	30/11/22	28/12/22
NTC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	29/11/22	30/11/22	26/12/22
PTG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	29/11/22	30/11/22	15/12/22
NAG	HNX	Giao dịch đầu tiên 998.517 cổ phiếu niêm yết bổ sung			29/11/22
DXG	HSX	Niêm yết bổ sung 2.502.126 cp		29/11/22	29/11/22
DWS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	29/11/22	30/11/22	29/11/22
PHN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.400 đ/cp)	29/11/22	30/11/22	21/12/22
KTC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	30/11/22	01/12/22	23/12/22
MBG	HNX	Giao dịch đầu tiên 7.863.262 cổ phiếu niêm yết bổ sung			30/11/22
NTP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	30/11/22	01/12/22	15/12/22
TGG	HSX	ĐHĐCĐ bất thường lần 3 năm 2022			30/11/22
TCH	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2022 (1.200 đ/cp)	01/12/22	02/12/22	14/12/22
TNB	Upcom	Giao dịch 2.990.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung	01/12/22	01/12/22	01/12/22
PTT	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	01/12/22	02/12/22	01/12/22
HNA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022	01/12/22	02/12/22	01/12/22
KHG	HSX	Giao dịch 144.000.000 cp niêm yết bổ sung			01/12/22
XDC	Upcom	Giao dịch 8.200 cổ phiếu đăng ký giao dịch	01/12/22	01/12/22	01/12/22
BLI	Upcom	Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 (lần 02)	02/12/22	05/12/22	02/12/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
HU6	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	02/12/22	05/12/22	02/12/22
KOS	HSX	Giao dịch 51.450.000 cp niêm yết bổ sung		30/12/21	02/12/22
KHA	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	02/12/22	05/12/22	02/12/22
QTC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	02/12/22	05/12/22	15/12/22
TKG	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022	02/12/22	05/12/22	02/12/22
SCR	HSX	Giao dịch 29.305.472 cp niêm yết bổ sung			02/12/22
VOC	Upcom	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	02/12/22	05/12/22	02/12/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng \geq 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Đỗ Trung Nguyên

Chief Investment strategy

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:702

Võ Thế Vinh

Head of Research

vinhvt@gtjas.com.vn - ext:701



CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
GUOTAI JUNAN SECURITIES (VIETNAM)

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696